

Bản án số: 104/2017/HSST

Ngày: 25/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Xuân.
2. Ông Dương Đình Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Lộc Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Đinh Ngọc A, sinh ngày 29/10/1988 tại tỉnh Ninh Bình.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình;

Chỗ ở: Số 24, ngõ 1B, đường Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;

Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 12/12;

Con ông: Đinh Văn K và bà Nguyễn Thị K;

Chồng: Nguyễn Văn T;

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2017 đến nay. Có mặt.

2. Hà Hữu T, sinh ngày 02/01/1992 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn;

Nghề nghiệp: Không. Trình độ văn hóa: 9/12;

Con ông: Hà Văn P và bà Hoàng Thị L;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh từ ngày 28/4/2017. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Hữu T:* Ông Đinh Công T - Luật sư, công tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh La Văn T, sinh năm 1987.

Trú tại: Thôn B, xã T. L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Đinh Ngọc A và Hà Hữu T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Từ đầu tháng 8/2016, qua mạng xã hội zalo Đinh Ngọc A làm quen với La Văn T, sinh năm 1987 trú tại thôn B, xã T. L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và thường hay nhắn tin trò chuyện với nhau. Ngày 20/8/2016 A và T hẹn gặp nhau ở công viên B, đường H, phường C, thành phố L để uống nước, nói chuyện. Tại đây, A có vay của T 200.000 đồng. Sau đó, T đi về, còn A về phòng trọ của mình tại ngõ 1B, đường Đ, phường C, thành phố L và nói chuyện với D (người ở tỉnh H), L (người ở tỉnh N) và Hà Thị Th (quê ở xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn) là bạn cùng thuê trọ về La Văn T và cùng bàn bạc lừa T lấy xe mô tô để làm phương tiện đưa đón nhau. Ngày 28/8/2016, La Văn T hẹn rủ A đi uống nước được A đồng ý. Theo hẹn, khoảng 16 giờ cùng ngày, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1-079.71 đi đến ngõ 1B, đường Đ, phường C, thành phố L đón A đến chợ C ngồi uống nước, còn L, Th và D đi xe taxi đến quán bánh mì cách quán nước mà T và A ngồi một đoạn. Sau khi ngồi uống nước khoảng 30 phút, L gọi điện thoại cho A, theo như bàn bạc từ trước, A mở loa ngoài của điện thoại cho La Văn T nghe và hỏi mượn xe mô tô của T để đi đón bạn, được T đồng ý. Sau khi mượn được xe, A đã điều khiển xe BKS 12D1-079.71 của T đến đón D, L, Th đến một quán ăn trên đường H, phường C, thành phố L để ăn uống liên hoan.

Đến chiều muộn cùng ngày, do không thấy A mang trả xe nên La Văn T đã gọi điện thoại nhiều lần nhưng A không trả lời và lẩn trốn nên T đã có đơn trình báo Công an đề nghị xử lý về hình sự đối với A.

Sau khi lừa lấy được xe của T, Đinh Ngọc A đã giữ chiếc xe để làm phương tiện đi lại cùng Hà Hữu T, sinh năm 1992 trú tại thôn N, xã Đ, huyện V là người yêu của A. Đến ngày 30/8/2016, Hà Hữu T thấy xe mô tô BKS 12D1-079.71 để trong phòng trọ lâu ngày đã hỏi về nguồn gốc chiếc xe thì A nói là chiếc xe mô tô do A và các bạn lừa của La Văn T và rủ Hà Hữu T bán chiếc xe trên lấy tiền tiêu, Hà Hữu T đồng ý. Do xe không có giấy tờ, Hà Hữu T đã nhờ một người tên T1 trú tại xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn mang xe đi bán. Ngày 01/9/2016, T1 đến phòng trọ số 15/1B, đường Đ, phường C, thành phố L của Hà

Hữu T và A thỏa thuận mua chiếc xe trên với giá 3.000.000 đồng, Hà Hữu T và A đồng ý. Ngày 02/9/2016, Hà Hữu T điều khiển xe nêu trên ra khu vực chợ C gặp T1 và bán cho T1 với giá 3.000.000 đồng. Số tiền trên, Hà Hữu T cùng A đã tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Tại cơ quan điều tra, Đinh Ngọc A còn khai nhận: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/4/2017, A còn mượn của anh Trương Văn K, sinh năm 1987 trú tại số 93, đường P, khối Đ, phường C, thành phố L chiếc xe mô tô HONDA Wave RS có biển kiểm soát 30L7-5807. Sau đó A sử dụng chiếc xe Mô tô trên vào việc cá nhân; tối ngày 08/4/2017, Hà Hữu T sử dụng chiếc xe trên đi về nhà của T ở thôn N, xã Đ, huyện V. Đến ngày 09/4/2017 thì Đinh Ngọc A bị anh Trương Văn K phát hiện và đưa đến Công an thành phố L làm việc.

Tại biên bản định giá tài sản tố tụng hình sự số 45/ĐGTSTT ngày 11/4/2017 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự thành phố L kết luận: Chiếc xe mô tô BKS 12D1-079.71 mà Đinh Ngọc A lừa đảo chiếm đoạt của La Văn T có giá trị 10.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 98/KSĐT ngày 16 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Đinh Ngọc A về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 và bị cáo Hà Hữu T về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đinh Ngọc A thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố, cụ thể: Đinh Ngọc A có một số bạn gồm D quê ở tỉnh H, L quê ở tỉnh N và Hà Thị Th quê ở xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 20/8/2016 khi đi uống nước, Ngọc A có vay được của La Văn T 200.000 đồng, về có kể cho D, L và Th nghe. Đinh Ngọc A đã cùng D, L và Th bàn nhau tìm cách lừa lấy xe mô tô của La Văn T để làm phương tiện đưa đón nhau. Ngày 28/8/2016 khi Đinh Ngọc A ngồi uống nước cùng anh La Văn T ở khu vực chợ C thì L nhắn tin rồi gọi điện cho Đinh Ngọc A bảo đi đón Th; khi nghe điện thoại của L, Đinh Ngọc A cố ý mở loa ngoài của điện thoại với mục đích cho anh T nghe để T tin tưởng cho mượn xe mô tô. Sau khi mượn được xe, Đinh Ngọc A đã điều khiển xe mô tô BKS 12D1- 079.71 của T đến đón D, L, Th đi ăn rồi để xe ở phòng trọ cùng Hà Hữu T sử dụng làm phương tiện đi lại. Sau khi bán xe, Đinh Ngọc A đã cho Th 1.600.000 đồng, số còn lại Đinh Ngọc A và Hà Hữu T chi tiêu và mua ma túy sử dụng hết.

Tại phiên tòa bị cáo Hà Hữu T khai: T là người yêu của Đinh Ngọc A; nhiều lần đến chỗ A và thấy xe mô tô để ở phòng trọ Hà Hữu T có hỏi thì A bảo của bạn. Sau nhiều lần hỏi thì A có nói chiếc xe mô tô BKS 12D1-079.71 là do A cùng các bạn tên D, L và Th lừa của người khác. Ban đầu Hà Hữu T bảo A mang đi trả. Nhưng A bảo biết ai mà trả. Sau đó A có nói với T bán chiếc xe lấy tiền tiêu, T đồng ý. Sau đó T đã bán xe cho nam thanh niên tên T1 ở xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn được 3.000.000 đồng.

Tại phiên tòa người bị hại La Văn T khai: Từ đầu tháng 8/2016 La Văn T quen biết và kết bạn với Đinh Ngọc A qua mạng xã hội zalo. Ngày 20/8/2016, A và T hẹn gặp nhau ở công viên B, đường H, phường C, thành phố L để uống

nước, nói chuyện. Tại đây, A có vay của T 200.000 đồng. Ngày 28/8/2016, T hẹn rủ A đi uống nước được A đồng ý. Theo hẹn, khoảng 16 giờ cùng ngày, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1-079.71 đi đến ngõ 1B, đường Đ, phường C, thành phố L đón A đến chợ C ngồi uống nước. Sau khi ngồi uống nước khoảng 30 phút, A mở loa ngoài của điện thoại cho T nghe và hỏi mượn xe mô tô của T để đi đón bạn. Do tin tưởng A nên T đồng ý cho mượn xe. Đến nay T vẫn chưa nhận lại xe mô tô. Anh La Văn T yêu cầu Đình Ngọc A có trách nhiệm bồi thường chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1- 079.71 theo Hội đồng định giá đã định giá với số tiền 10.200.000 đồng.

Lời bào chữa của luật sư cho bị cáo Hà Hữu T: Nhất trí với nội dung truy tố và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo Hà Hữu T. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo tuổi đời còn trẻ, là dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, ít hiểu biết pháp luật, nhất thời phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên nội dung quyết định đã truy tố đối với các bị cáo Đình Ngọc A, Hà Hữu T và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đình Ngọc A phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị cáo Hà Hữu T phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Đình Ngọc A từ 09 đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 33; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Hà Hữu T từ 06 đến 09 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì các bị cáo đều không có tài sản.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động của bị cáo Đình Ngọc A do bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội. Trả lại anh La Văn T 01 giấy đăng ký xe mô tô số 014754 của xe mô tô nhãn hiệu Honda wave.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Chấp nhận yêu cầu của bị hại, buộc các bị cáo bồi thường chiếc xe mô tô đã chiếm đoạt của bị hại La Văn T theo giá của Hội đồng định giá đã định giá là 10.200.000 đồng, mỗi bị cáo phải chịu $\frac{1}{2}$.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa và người bị hại;

XÉT THẤY:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; vì vậy có đủ căn cứ để xác định: Ngày 28/8/2016, Đinh Ngọc A đã dùng thủ đoạn gian dối vờ hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA wave, có biển kiểm soát 12D1- 079.71 của anh La Văn T sau đó chiếm đoạt. Hà Hữu T biết đó là xe mô tô do Đinh Ngọc A chiếm đoạt mà có vẫn mang đem đi bán lấy tiền tiêu sài.

Chiếc xe do Đinh Ngọc A chiếm đoạt và Hà Hữu T tiêu thụ theo kết quả định giá có giá trị 10.200.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đinh Ngọc A phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139; bị cáo Hà Hữu T phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự. Việc truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo gây mất lòng tin trong quan hệ xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Hành vi đó cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung đối với những người khác đang có ý định phạm tội.

Để có mức án thỏa đáng, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, cần xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy các bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm h và 02 tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của

Bộ luật hình sự. Bị cáo Hà Hữu T đã nộp tiền để bồi thường khắc phục hậu quả được 5.000 000 đồng; đây là tiết giảm nhẹ qui định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đinh Ngọc A có bố đẻ là Đinh Văn K là người có công với nước, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo

Đối với bị cáo Hà Hữu T: Bị cáo là thanh niên mới lớn, sống ở vùng sâu vùng xa, ít va chạm. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; bản thân từ trước tới nay chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Bị cáo có khả năng tự cải tạo; có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và không có tình tiết tăng nặng. Căn cứ Điều 60 Bộ luật hình sự; Điều 1, 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo, thấy chưa cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, phòng ngừa. Vì nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung:

Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2017 của Cơ quan điều tra Công an thành phố L xác định: Các bị cáo Đinh Ngọc A và Hà Hữu T không có nghề nghiệp và không có tài sản, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra, người bị hại La Văn T yêu cầu buộc bị cáo Đinh Ngọc A bồi thường chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA Wave, biển kiểm soát 12D1-079.71 với số tiền 15.000.000 đồng. Tại phiên tòa A La Văn T yêu cầu bị cáo Đinh Ngọc A bồi thường chiếc xe theo định giá là 10.200.000 đồng. Xét thấy, thiệt hại là do bị cáo Đinh Ngọc A gây ra. Đinh Ngọc A khai đã cho Th 1.600.000 đồng, do chưa xác định được lai lịch của Th nên không có căn cứ để chứng minh A đã cho Th số tiền này. Bị cáo Hà Hữu T là người bán xe, số tiền bán xe Đinh Ngọc A và Hà Hữu T cùng nhau sử dụng hết, nên các bị cáo cùng phải liên đới bồi thường. Cụ thể, mỗi bị cáo phải chịu 5.100.000 đồng.

Đối với các đối tượng có tên D, L, Th là những người theo Đinh Ngọc A khai nhận là các đối tượng cùng bàn bạc với Đinh Ngọc A chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh La Văn T. Qua điều tra xác định: Đối với Hà Thị Th, sinh năm 1996, trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn qua xác minh không có người có tên trên, nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý, khi nào xác minh được sẽ xử lý sau. Đối với hai đối tượng có tên là D ở tỉnh Hòa Bình và L ở tỉnh Ninh Bình do không có họ, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với đối tượng có tên là T1 là người đã mua chiếc xe mô tô do Đinh Ngọc A chiếm đoạt mà có, qua điều tra xác định do Hà Hữu T và Đinh Ngọc A

không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra cũng không có cơ sở để xác minh làm rõ.

Đối với chiếc xe mô tô HONDA Wave RS, biển kiểm soát 30L-5807 do Đinh Ngọc A mượn của anh Trương Văn K, qua điều tra xác định đó là giao dịch dân sự nên cơ quan điều tra không xử lý đối với Đinh Ngọc A và Hà Hữu T trong vụ án.

Đối với số tiền Đinh Ngọc A vay La Văn T 200.000 đồng, đây là quan hệ dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, đ khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng (máy bị rạn vỡ, mặt sau thân máy màu trắng có logo chữ MI) thu giữ của Đinh Ngọc A vì là phương tiện dùng vào việc phạm tội. Trả lại anh La Văn T 01 giấy đăng ký xe mô tô số 014754 của xe mô tô nhãn hiệu Honda wave mang tên La Văn T.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, phí lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Xét lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đề nghị về mức hình phạt và các vấn đề khác khi áp dụng đối với bị cáo và lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo Hà Hữu T; Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định khi nghị án.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Ngọc A phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo Hà Hữu T phạm tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng khoản 1 Điều 139; Điều 33; điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 250; Điều 60; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Hữu T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày xét xử sơ thẩm.

Giao bị cáo Hà Hữu T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Lạng Sơn là nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

2. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Đinh Ngọc A và Hà Hữu T liên đới bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho người bị hại La Văn T, trú tại: Thôn B, xã T. L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn số tiền 10.200.000 đồng (mười triệu hai trăm nghìn đồng). Cụ thể, mỗi bị cáo phải chịu 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng).

Xác nhận bị cáo Hà Hữu T đã nộp 5.000.000 đồng tại biên lai thu số AA/2012/00570, ngày 21/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Bị cáo Hà Hữu T còn phải nộp thêm 100.000 đồng nữa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bên được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không chịu trả số tiền nêu trên, thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng (máy bị rạn vỡ, mặt sau thân máy màu trắng có logo chữ MI).

- Trả lại anh La Văn T 01 giấy đăng ký xe mô tô số 014754 của xe mô tô nhãn hiệu Honda wave BKS: 12D1. 079-71 mang tên La Văn T.

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01 tháng 6 năm 2017).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, phí lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đinh Ngọc A và Hà Hữu T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND thành phố L;
- Công an thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Đình Sinh